

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ TÀI CHÍNH

HỌC VIỆN TÀI CHÍNH



HOÀNG ANH VĂN

**TỔ CHỨC CÔNG TÁC KIỂM TOÁN BÁO CÁO QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH
ĐỊA PHƯƠNG DO KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC VIỆT NAM THỰC HIỆN**

Chuyên ngành: Kế toán

Mã số: 09.34.03.01

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ

HÀ NỘI, NĂM 2026

Công trình được hoàn thành tại: HỌC VIỆN TÀI CHÍNH

Người hướng dẫn khoa học:

1. GS, TS. Nguyễn Đình Đỗ
2. PGS, TS. Thịnh Văn Vinh

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Phản biện 3:

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp Học viện, họp tại Học viện Tài chính, vào hồi giờ ngày tháng năm 2026

Có thể tìm hiểu luận án tại thư viện Thư viện Quốc gia và Thư viện Học viện Tài chính

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

NSDP đóng vai trò là cấu phần cốt yếu của hệ thống NSNN, bởi đây là cấp trực tiếp thực hiện phần lớn các nhiệm vụ thu, chi và triển khai các chính sách tài khóa của quốc gia. Theo Luật NSNN hiện hành, NSDP bao gồm ngân sách của các đơn vị hành chính có HĐND và UBND. Hoạt động quản lý NSDP được thực hiện trên nguyên tắc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi rõ ràng, gắn liền quyền hạn với trách nhiệm giải trình nhằm đảm bảo tính công khai, minh bạch và tập trung dân chủ. Trong cơ chế này, HĐND cấp tỉnh, thành phố trực thuộc TW giữ vai trò then chốt khi quyết định phương án phân cấp giữa các cấp chính quyền địa phương dựa trên đặc thù KTXH và năng lực quản lý của từng cấp. Song song đó, HĐND các cấp thực hiện thẩm quyền quyết định dự toán và phê chuẩn quyết toán BCQT NSDP dựa trên chỉ tiêu cấp trên giao và tình hình thực hiện tại địa bàn.

BCQT NSDP là sản phẩm cuối cùng của chu trình ngân sách, phản ánh toàn diện kết quả tổ chức, điều hành dự toán và chấp hành kỷ luật tài chính của một cấp chính quyền địa phương trong việc huy động, sử dụng nguồn lực phục vụ các mục tiêu phát triển KTXH. Với vai trò là nguồn thông tin quan trọng để đánh giá năng lực quản trị công trong ngắn hạn và trung hạn, BCQT NSDP đòi hỏi một cơ chế kiểm soát chặt chẽ nhằm đảm bảo tính minh bạch và trách nhiệm giải trình. Trong hệ thống các công cụ kiểm soát của Đảng và Nhà nước, công tác kiểm toán do KTNN thực hiện đóng vai trò đặc biệt quan trọng. Thông qua hoạt động kiểm toán, KTNN không chỉ xác nhận tính trung thực, hợp pháp của số liệu quyết toán mà còn đưa ra những đánh giá khách quan về tính tuân thủ pháp luật và hiệu quả quản lý tài chính công tại địa phương. Những kiến nghị xử lý tài chính và giải pháp hoàn thiện cơ chế, chính sách từ kết quả kiểm toán chính là căn cứ khoa học để nâng cao chất lượng quản lý NSNN. Chính vì ý nghĩa quan trọng này, việc tối ưu hóa tổ chức công tác kiểm toán BCQT NSDP đã và đang trở thành tâm điểm thu hút sự quan tâm sâu sắc của các nhà khoa học, các nhà quản lý và đội ngũ kiểm toán viên trong giai đoạn hiện nay.

Về lý luận, mặc dù lĩnh vực KTNN và kiểm toán ngân sách đã thu hút sự quan tâm của nhiều nhà khoa học, song các công trình hiện có vẫn tồn tại những hạn chế nhất định về tính hệ thống và chiều sâu. Cụ thể, các nghiên cứu trước đây chủ yếu tiếp cận theo hướng rời rạc, tập trung vào từng nội dung riêng lẻ như: mục tiêu, nội dung kiểm toán, tổ chức nhân sự hoặc kỹ thuật kiểm toán các khoản mục (*như: thu ngân sách, chi thường xuyên, chi đầu tư*). Thực tế cho thấy, hiện chưa có một công trình nghiên cứu hệ thống nào đánh giá toàn diện công tác tổ chức kiểm toán BCQT NSDP dưới góc độ quản lý và thực hiện nhiệm vụ của KTNN Việt Nam. Đặc biệt, các vấn đề cốt yếu mang tính chu trình từ khâu lập KHKT năm và trung hạn, thực hiện quy trình kiểm toán, quản lý và kiểm soát chất lượng, đến ứng dụng CNTT và công tác tổng hợp, công khai BCKT năm vẫn chưa được luận giải một cách thấu đáo. Bên cạnh đó, việc xác lập khung lý thuyết về các yếu tố tác động đến tổ chức công tác kiểm toán BCQT NSDP vẫn còn là một khoảng trống, chưa phản ánh kịp thời những biến chuyển phức tạp của thực tiễn quản lý tài chính công hiện nay.

Về thực tiễn, trải qua 32 năm xây dựng và phát triển, cơ quan KTNN Việt Nam đã góp

phân tích cụ thể vào việc nâng cao chất lượng quản trị, điều hành NSDP. Mặc dù công tác kiểm toán ngân sách đã được đề cập trong một số công trình trước đây, song phần lớn các nghiên cứu này được thực hiện dựa trên nền tảng hành lang pháp lý cũ, dẫn đến sự thiếu tương thích với hệ thống luật định và các chuẩn mực kiểm toán hiện hành. Đặc biệt, hiện nay vẫn tồn tại một khoảng trống lý luận khi chưa có công trình nào phân tích, đánh giá toàn diện về tổ chức công tác kiểm toán BCQT NSDP trong mối quan hệ hữu cơ với thực trạng quản lý NSDP của chính quyền địa phương hai cấp (*tỉnh, xã*) hiện nay. Thách thức này càng trở nên bức thiết trước lộ trình rút ngắn chu trình quyết toán NSNN từ 18 tháng xuống còn 12 tháng một sự thay đổi mang tính bước ngoặt tạo ra áp lực về cường độ và tiến độ kiểm toán, đòi hỏi sự đổi mới căn bản về phương thức tổ chức. Trong bối cảnh chuyển đổi số quốc gia đang diễn ra mạnh mẽ, sự xuất hiện của các hệ thống quản trị thông tin tài chính hiện đại như TABMIS và TMS đã thay đổi căn bản cấu trúc, luồng dữ liệu và phương thức lưu trữ hồ sơ ngân sách. Việc chưa có công trình nào đi sâu phân tích tác động của các hệ thống thông tin này đến phương thức tổ chức kiểm toán đã tạo ra một khoảng trống về cả lý luận và thực tiễn triển khai. Song song đó, thực tiễn hoạt động kiểm toán BCQT NSDP thời gian qua đã bộc lộ những hạn chế, ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng và hiệu lực kiểm toán. Cụ thể: công tác lập KHKT năm và trung hạn vẫn nặng tính hình thức quay vòng, thiếu vắng các phân tích dữ liệu chuyên sâu và đánh giá rủi ro trọng yếu; quy trình kiểm toán thực hiện thiếu tính đồng bộ và công tác kiểm soát chất lượng kiểm toán còn mang nặng tính thủ tục hành chính,... trước những yêu cầu về chức năng, nhiệm vụ của KTNN và sự gia tăng tính phức tạp của quản trị tài chính công, hệ thống quy trình hiện tại đã bắt đầu bộc lộ sự thiếu hụt về hành lang pháp lý và tính khả thi trong môi trường số. Do đó, việc xây dựng một hệ thống giải pháp toàn diện nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kiểm toán BCQT NSDP tại KTNN Việt Nam hiện nay không chỉ là một đòi hỏi khoa học khách quan mà còn là nhiệm vụ chính trị cấp bách của ngành kiểm toán.

Xuất phát từ những đòi hỏi khách quan của thực tiễn và các khoảng trống lý luận nêu trên, nghiên cứu sinh lựa chọn đề tài “*Tổ chức công tác kiểm toán Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương do Kiểm toán nhà nước Việt Nam thực hiện*” làm nội dung nghiên cứu cho luận án tiến sĩ nhằm xác lập hệ thống giải pháp có luận cứ khoa học vững chắc, đảm bảo tính khả thi và tương thích với bối cảnh hiện nay, kết quả nghiên cứu kỳ vọng sẽ góp phần trực tiếp vào việc hoàn thiện tổ chức công tác kiểm toán, từ đó nâng cao chất lượng, hiệu lực và khẳng định vai trò của KTNN trong quản lý NSDP. Với những ý nghĩa lý luận và thực tiễn sâu sắc đó, việc thực hiện đề tài này là yêu cầu cấp thiết và mang tính thời sự cao trong giai đoạn hiện nay.

2. Tổng quan các công trình đã nghiên cứu có liên quan đến luận án và những định hướng nghiên cứu tiếp của luận án

Luận án trình bày và phân tích tổng quan các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước liên quan đến đề tài luận án, bao gồm: (i) Tổ chức xây dựng KHKT BCQT NSDP năm và trung hạn; (ii) Tổ chức quy trình kiểm toán BCQT NSDP; (iii) Tổ chức quản lý và KSCLKT BCQT NSDP; (iv) Tổ chức ứng dụng CNTT kiểm toán BCQT NSDP; (v) Tổ chức tổng hợp kết quả kiểm toán, lập và công khai BCKT BCQT NSDP

năm. Qua đó, đánh giá về kết quả của các công trình nghiên cứu và rút ra khoảng trống mà đề tài này phải tiếp tục nghiên cứu:

(i) *Một là*, nghiên cứu tổ chức xây dựng KHKT BCQT NSDP năm và trung hạn hiện nay vẫn chưa toàn diện, gắn với mục tiêu kiểm toán BCTC và kiểm toán tuân thủ phù hợp với đặc điểm quản lý NSDP, tình hình KTXH của các địa phương, đặc biệt gắn với tổ chức chính quyền 02 cấp và các quy định của Luật NSNN mới đang đặt ra thách thức đổi mới tổ chức công tác kiểm toán.

(ii) *Hai là*, dù đã có nhiều công trình tiếp cận lĩnh vực này, song các nghiên cứu hiện nay chủ yếu tập trung vào nội dung chuyên môn mà chưa xem xét toàn diện việc tổ chức thực hiện quy trình kiểm toán BCQT NSDP đầy đủ các giai đoạn (*từ chuẩn bị, thực hiện, lập và phát hành BCKT đến theo dõi thực hiện kết luận KNKT*) trong những ảnh hưởng từ đặc điểm của NSDP. Về không gian và thời gian, tập trung vào hoạt động của các KTNN khu vực trong giai đoạn 2020-2025, mốc thời gian đánh dấu sự chuyển đổi quan trọng trong niên độ quyết toán của KTNN Việt Nam. Đặc biệt, hiện chưa có nghiên cứu nào gắn kết việc chuyển đổi mô hình chính quyền từ 03 cấp thành 02 cấp (*xã, tỉnh*) cùng quy định rút ngắn thời gian quyết toán NSNN từ 18 tháng xuống còn 12 tháng, đây là những thách thức cốt yếu đòi hỏi phải đổi mới quy trình kiểm toán để đảm bảo nâng cao chất lượng, hiệu lực BCKT và hiệu quả hoạt động kiểm toán và đảm bảo chức năng xác nhận, kết luận và cung cấp thông tin tin cậy cho các cơ quan hữu quan.

(iii) *Ba là*, tổ chức quản lý và KSCLKT BCQT NSDP hiện nay vẫn chưa bao quát được các biến động từ thực tiễn. Đặc biệt, gắn với mô hình chính quyền địa phương hai cấp (*xã, tỉnh*), lộ trình rút ngắn thời gian quyết toán và bối cảnh chuyển đổi số quốc gia đang tạo ra áp lực lớn, đòi hỏi KTNN phải đổi mới toàn diện từ mục tiêu, phân cấp đến phương thức kiểm soát, việc đổi mới này là yếu tố then chốt để nâng cao chất lượng BCKT, đồng thời đảm bảo tính hiệu lực của các kết luận và KNKT hiện nay.

(iv) *Bốn là*, nghiên cứu tổ chức ứng dụng CNTT kiểm toán BCQT NSDP hiện vẫn chưa toàn diện và gắn với mô hình tổ chức chính quyền địa phương hai cấp (*xã, tỉnh*), quy định rút ngắn thời gian quyết toán NSNN và bối cảnh chuyển đổi số quốc gia đang đặt ra yêu cầu ứng dụng CNTT kiểm toán BCQT NSDP nhằm nâng cao tính chuyên nghiệp, hiện đại và hiệu quả, hiệu lực trong hoạt động kiểm toán.

(v) *Năm là*, nghiên cứu về tổ chức tổng hợp kết quả và công khai báo cáo kiểm toán BCQT NSDP hiện vẫn chưa toàn diện, đặc biệt là thiếu những đánh giá về tác động thực tế đến hiệu quả quản lý ngân sách, dù có địa vị pháp lý khác nhau, nhưng sự phối hợp chặt chẽ giữa KTNN, HĐND và UBND là nhân tố then chốt để thực hiện mục tiêu chung nhằm nâng cao hiệu quả điều hành, đảm bảo quyền giám sát của nhân dân và thúc đẩy quản lý tài chính địa phương theo hướng tiết kiệm, hiệu quả hơn.

3. Mục tiêu nghiên cứu của luận án

3.1. Mục tiêu nghiên cứu tổng quát

Trên cơ sở xem xét thực trạng tổ chức công tác kiểm toán BCQT NSDP do KTNN Việt Nam thực hiện, tìm ra những kết quả đạt được và hạn chế trong mối tương quan với đặc điểm NSDP, từ đó đề xuất hệ thống giải pháp hoàn thiện tổ chức công tác kiểm toán BCQT

NSĐP, nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động kiểm toán của KTNN, góp phần nâng cao công tác quản lý điều hành sử dụng NSNN tại địa phương trong thời gian tới.

3.2. Mục tiêu nghiên cứu cụ thể

(i) Hệ thống hóa và phát triển các vấn đề lý luận về tổ chức công tác kiểm toán BCQT NSĐP. Tập trung phân tích các đặc điểm của NSĐP và làm sáng tỏ những ảnh hưởng từ các đặc điểm của NSĐP đến tổ chức công tác kiểm toán do KTNN Việt Nam thực hiện trong bối cảnh hiện nay.

(ii) Nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế về tổ chức công tác kiểm toán do KTNN thực hiện và rút ra bài học kinh nghiệm cho KTNN Việt Nam.

(iii) Vận dụng khung lý luận để phân tích thực trạng tổ chức kiểm toán BCQT NSĐP do KTNN Việt Nam thực hiện và đánh giá những kết quả đạt được, những hạn chế và luận giải nguyên nhân của những hạn chế.

(iv) Trên cơ sở khung lý luận và kết quả phân tích thực trạng, luận án xác lập các định hướng, đề xuất hệ thống giải pháp và kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kiểm toán BCQT NSĐP do KTNN Việt Nam thực hiện.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận án

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Luận án tập trung đi sâu nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn của tổ chức công tác kiểm toán BCQT NSĐP do KTNN thực hiện.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

(i) Phạm vi về nội dung: Luận án tập trung nghiên cứu tổ chức công tác kiểm toán BCQT NSĐP do KTNN Việt Nam thực hiện thông qua việc phân tích mối quan hệ hữu cơ giữa các đơn vị trực thuộc KTNN Việt Nam. Để thực hiện chức năng đánh giá, xác nhận và kết luận việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công tại địa phương của KTNN, tổ chức công tác kiểm toán BCQT NSĐP được hệ thống hóa thành một chu trình khoa học và đồng bộ, gồm tổ chức: xây dựng KHKT năm và trung hạn; quy trình kiểm toán; quản lý và KSCLKT; ứng dụng CNTT; tổng hợp kết quả, lập và công khai BCKT năm.

(ii) Phạm vi về không gian: Luận án khảo sát tổ chức công tác kiểm toán BCQT NSĐP do KTNN Việt Nam thực hiện (*tại các KTNN khu vực I, II, III, IV, V, VI, VII, VIII, IX, X, XI, XII*). Luận án chỉ tập trung vào tổ chức công tác kiểm toán BCQT NSĐP đối với các cuộc kiểm toán toàn diện theo chu kỳ ngân sách hằng năm do KTNN Việt Nam thực hiện.

(iii) Phạm vi về thời gian: Nghiên cứu tổ chức công tác kiểm toán BCQT NSĐP do KTNN Việt Nam thực hiện và giai đoạn năm 2020 đến năm 2025.

(iv) Phạm vi chủ thể và khách thể kiểm toán: Chủ thể kiểm toán trong phạm vi nghiên cứu là KTNN Việt Nam, được vận hành thông qua sự phối hợp đồng bộ giữa các cấp quản lý và các đơn vị thực hiện nhiệm vụ trong hệ thống KTNN, bao gồm: lãnh đạo KTNN là cấp quyết định, các đơn vị tham mưu (*Vụ Tổng hợp, Vụ Chế độ và KSCLKT, Vụ Pháp chế, Cục CNTT*) và KTNN khu vực (*các KTNN khu vực I, II, III, IV, V, VI, VII, VIII, IX, X, XI, XII*) là cấp tổ chức quản lý, các ĐKT là cấp thực hiện nghiệp vụ kiểm toán; Khách thể kiểm toán được xác định theo hệ thống các đơn vị cấu thành nên chu trình quyết toán ngân sách,

bao gồm: các cơ quan tổng hợp và lập BCQT NSĐP (*Sở Tài chính, KBNN*), các cơ quan quản lý thu ngân sách (*Thuế, Hải quan*) và các đơn vị dự toán các cấp tại một số địa phương điển hình, như: Hà Nội, Hồ Chí Minh, Cần Thơ, Hải Phòng, Đà Nẵng, Thái Nguyên, Phú Thọ, Lai Châu, Thanh Hóa, Nghệ An, Đồng Tháp, Khánh Hòa, Đồng Nai.

5. Câu hỏi nghiên cứu

(i) Nội dung tổ chức công tác kiểm toán BCQT NSĐP do KTNN thực hiện? Các yếu tố ảnh hưởng đến tổ chức công tác kiểm toán BCQT NSĐP do KTNN thực hiện?

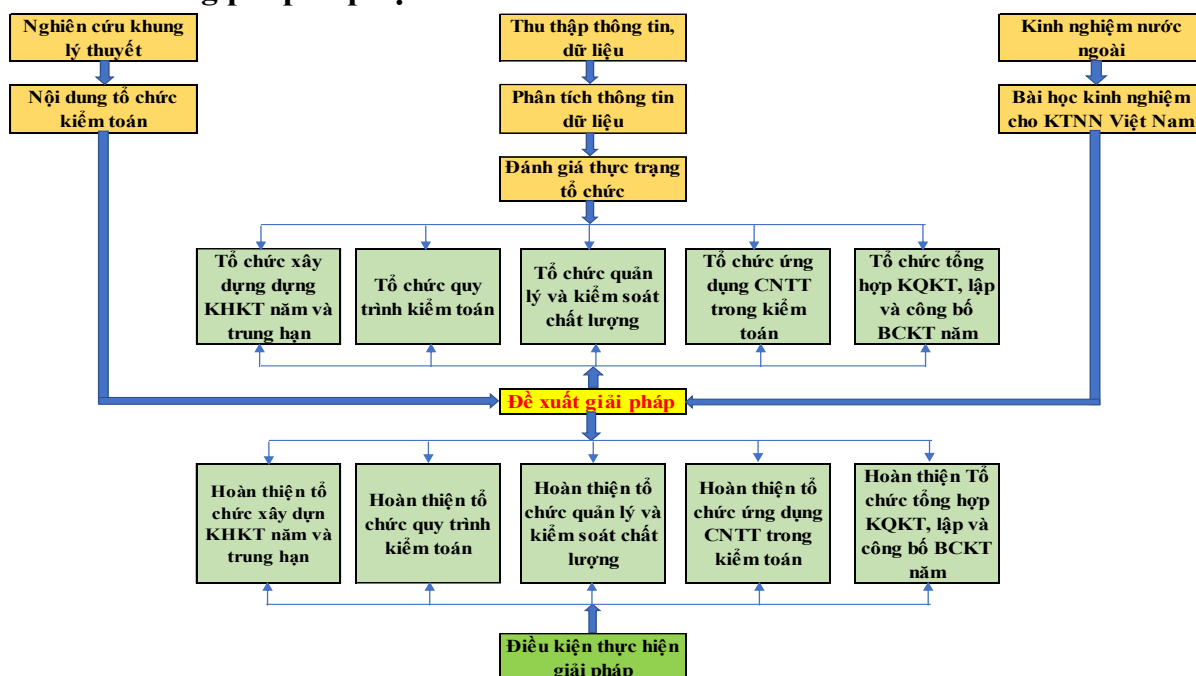
(ii) Kinh nghiệm quốc tế tổ chức công tác kiểm toán BCQT NSĐP do KTNN thực hiện như thế nào? Bài học kinh nghiệm rút ra cho KTNN Việt Nam là gì?

(iii) Thực trạng tổ chức kiểm toán BCQT NSĐP do KTNN Việt Nam thực hiện thời gian qua như thế nào? Hạn chế nào và nguyên nhân của những hạn chế đó?

(iv) Những giải pháp cụ thể để hoàn thiện tổ chức công tác kiểm toán BCQT NSĐP do KTNN Việt Nam thực hiện trong thời gian tới? Điều kiện thực hiện các giải pháp?

6. Phương pháp nghiên cứu

6.1. Phương pháp tiếp cận



6.2. Phương pháp nghiên cứu

Luận án được thực hiện trên nền tảng phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, xem xét các hiện tượng trong mối quan hệ hữu cơ và bối cảnh lịch sử cụ thể. Nghiên cứu sử dụng kết hợp phương pháp định tính và định lượng để đánh giá toàn diện thực trạng tổ chức công tác kiểm toán BCQT NSĐP do KTNN Việt Nam thực hiện. Cụ thể, phương pháp định tính được triển khai thông qua các kỹ thuật phỏng vấn chuyên gia, quan sát thực tế và phân tích hồ sơ tài liệu,... Song song đó, phương pháp định lượng được vận dụng để so sánh, tổng hợp số liệu từ kết quả khảo sát và các báo cáo, quy trình nghiệp vụ, từ đó đưa ra những đánh giá thực trạng công tác tổ chức kiểm toán.

7. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của luận án

(i) Về mặt lý luận: Luận án phân tích làm rõ và bổ sung cơ sở lý luận về tổ chức công tác kiểm toán BCQT NSĐP do KTNN thực hiện, làm rõ khái niệm, đặc điểm của NSĐP, những

ảnh hưởng từ đặc điểm của NSDP đến tổ chức công tác kiểm toán BCQT NSDP. Phân tích quan điểm của các nhà nghiên cứu về kiểm toán tổ chức công tác kiểm toán BCQT NSDP và khung lý thuyết để đánh giá thực trạng tổ chức kiểm toán BCQT NSDP do KTNN thực hiện.

(ii) Về mặt thực tiễn: Trên cơ sở phân tích đánh giá thực trạng tổ chức công tác kiểm toán BCQT NSDP do KTNN thực hiện, luận án đưa ra kết quả đạt được, hạn chế và nguyên nhân của hạn chế trong quá trình tổ chức thực hiện kiểm toán BCQT NSDP do KTNN thực hiện thời gian vừa qua.

(iii) Về tính ứng dụng: Kết quả nghiên cứu của luận án đề xuất các giải pháp hoàn thiện tổ chức kiểm toán BCQT NSDP do KTNN thực hiện gắn liền với chu trình NSNN. Những đề xuất này nhằm đảm bảo tính phù hợp với cơ chế quản lý tài chính tại Việt Nam, đồng thời phù hợp với lộ trình phát triển kiểm toán BCQT NSDP của KTNN trong giai đoạn mới.

Những kết quả nghiên cứu của luận án góp phần đổi mới, nâng cao chất lượng và hiệu lực, hiệu quả kiểm toán BCQT NSDP do KTNN Việt Nam thực hiện, đồng thời là tài liệu tham khảo trong công tác nghiên cứu khoa học, đào tạo bồi dưỡng của KTNN.

8. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, tổng quan về vấn đề nghiên cứu, kết luận, danh mục công trình đã công bố của NCS có liên quan đến luận án, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, luận án được kết cấu thành 3 chương, gồm:

Chương 1: Lý luận cơ bản về tổ chức công tác kiểm toán báo cáo quyết toán ngân sách địa phương do Kiểm toán nhà nước thực hiện.

Chương 2: Thực trạng tổ chức công tác kiểm toán báo cáo quyết toán ngân sách địa phương do Kiểm toán nhà nước Việt Nam thực hiện.

Chương 3: Giải pháp hoàn thiện tổ chức công tác kiểm toán báo cáo quyết toán ngân sách địa phương do Kiểm toán nhà nước Việt Nam thực hiện.

CHƯƠNG 1

LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KIỂM TOÁN BÁO CÁO QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG DO KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC THỰC HIỆN

1.1. NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG VÀ KIỂM TOÁN BÁO CÁO QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

1.1.1. Khái niệm và bản chất của NSDP

Khái niệm NSNN trên phương diện pháp lý “NSNN là toàn bộ các khoản thu, chi của nhà nước được dự toán và thực hiện trong một khoảng thời gian nhất định do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định để bảo đảm thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của nhà nước”.



(Nguồn: NCS tổng hợp từ tài liệu tham khảo)

Như vậy, “NSDP là bản kế hoạch tài chính, trình bày toàn bộ các khoản thu, chi của

một địa phương, được các cấp có thẩm quyền ở địa phương thiết lập, phê duyệt và thực hiện theo quy định pháp luật, được trình bày dưới dạng là bản liệt kê các khoản thu, chi bằng tiền của địa phương trong một khoảng thời gian nhất định, thường trùng với năm tài khóa của quốc gia”.

1.1.2. Đặc điểm của NSDP ảnh hưởng đến tổ chức công tác kiểm toán BCQT NSDP

1.1.2.1. Đặc điểm tổ chức quản lý NSDP

(a) *Nguyên tắc quản lý NSDP*: đầy đủ và trọn vẹn, thống nhất, cân đối ngân sách, tiết kiệm và hiệu quả, công khai, minh bạch trung thực và chính xác.

(b) Tổ chức quản lý chu trình NSDP

Chu trình NS gồm 03 giai đoạn: lập dự toán, chấp hành và quyết toán NSNN.

(c) *Tổ chức quản lý thu, chi và cân đối NSDP*: song song công tác quản lý theo chu trình NS, cần quản lý các hoạt động của NS gồm quản lý thu, chi, cân đối NSNN.

1.1.2.2. Báo cáo quyết toán NSDP

(a) Nội dung báo cáo quyết toán NSDP

(b) Quy trình lập, xét duyệt, thẩm định, phê chuẩn BCQT NSDP

1.1.2.3. Những ảnh hưởng đến tổ chức công tác kiểm toán BCQT NSDP

(i) Ảnh hưởng đến tổ chức xây dựng KHKT BCQT NSDP năm và trung hạn;

(ii) Ảnh hưởng đến tổ chức quy trình kiểm toán BCQT NSDP: (1) việc xác định các trọng yếu kiểm toán trong KHKT tổng quát dễ sai lệch, ảnh hưởng đến hiệu quả của cuộc kiểm toán; (2) ảnh hưởng đến mục tiêu, nội dung kiểm toán; (3) ảnh hưởng đến tổ chức Đoàn kiểm toán; (4) áp lực thời gian và thách thức xử lý sai sót quyết toán; (5) ảnh hưởng của đặc điểm NSDP đến phương pháp và thủ tục kiểm toán; (6) ảnh hưởng đến phạm vi kiểm toán và giới hạn kiểm toán; (7) ảnh hưởng đến bằng chứng kiểm toán kiểm toán; (8) ảnh hưởng đến nội dung và kết cấu BCKT; (9) ảnh hưởng đến công tác phối hợp trong tổ chức quy trình kiểm toán.

(iii) Ảnh hưởng đến công tác quản lý và KSCLKT BCQT NSDP.

(iv) Ảnh hưởng đến tổ chức ứng dụng CNTT trong kiểm toán BCQT NSDP;

(v) Ảnh hưởng đến tổ chức tổng hợp KQKT, lập và công khai BCKT BCQT NSDP năm.

1.1.3. Đặc trưng cơ bản của kiểm toán BCQT NSDP

Kiểm toán BCQT NSDP là một loại hình kiểm toán đặc thù, mang bản chất của kiểm toán BCTC nhưng có những sự khác biệt sau: (i) Kiểm toán BCQT NSDP là một trường hợp đặc thù của kiểm toán BCTC; (ii) Kiểm toán BCQT NSDP mang bản chất của một loại hình kiểm toán kết hợp chặt chẽ giữa kiểm toán tài chính và kiểm toán tuân thủ; (iii) Đánh giá hệ thống KSNB trong kiểm toán BCQT NSDP có sự khác biệt so với kiểm toán BCTC thông thường; (iv) Công tác đánh giá rủi ro và xác định trọng yếu trong kiểm toán BCQT NSDP sở hữu những đặc thù riêng; (v) Việc thu thập và đánh giá bằng chứng kiểm toán trong kiểm toán BCQT NSDP mang đặc thù riêng so với kiểm toán BCTC thông thường, chuyển dịch từ tính "thuyết phục" sang tính "xác thực pháp lý".

1.1.4. Khái quát và vai trò của kiểm toán BCQT NSDP

1.1.4.1. Khái niệm kiểm toán báo cáo quyết toán ngân sách địa phương

Kiểm toán BCQT NSDP là quá trình các KTV của KTNN tiến hành thu thập, đánh giá khách quan hệ thống bằng chứng về việc quản lý, sử dụng ngân sách, tài sản công tại địa phương, nhằm xác nhận tính trung thực, hợp lý của BCQT NSDP, đảm bảo tuân thủ pháp luật, chế độ tài chính, nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách và báo cáo về

mức độ phù hợp giữa các thông tin này với các chuẩn mực đã được thiết lập.

1.1.4.2. Đối tượng kiểm toán báo cáo quyết toán ngân sách địa phương

Đối tượng cụ thể của kiểm toán BCQT NSDP là phải đưa ra đánh giá, xác nhận tính trung thực hợp lý của thông tin số liệu và các thông tin tài chính liên quan trên BCQT NSDP và đánh giá, xác nhận tính tuân thủ dự toán NSDP, mục lục NSNN và các quy định trong quản lý tài chính công.

1.1.4.3. Mục tiêu kiểm toán báo cáo quyết toán ngân sách địa phương

Đánh giá và xác nhận tính trung thực, hợp lý của BCQT hoặc các thông tin tài chính của đơn vị được kiểm toán và đánh giá tính tuân thủ hệ thống pháp luật và các Nghị quyết của HĐND trong quản lý điều hành NSDP.

1.1.4.4. Nội dung kiểm toán báo cáo quyết toán ngân sách địa phương

Kết hợp giữa việc đánh giá và xác nhận tính trung thực, hợp lý của BCQT hoặc các thông tin tài chính thuộc báo cáo, gồm: cân đối quyết toán NSDP, quyết toán thu và vay, quyết toán chi và trả nợ, với đánh giá tuân thủ các quy định quản lý điều hành ngân sách dựa trên cơ sở vận dụng các quy định và hướng dẫn hệ thống Chuẩn mực KTNN.

1.1.4.5. Vai trò của KTNN đối với BCQT NSDP

(i) KTNN cung cấp thông tin kiểm toán cho các cơ quan có liên quan đến quản lý, điều hành NSDP

(ii) KTNN thực hiện phân tích đánh giá tính hiệu quả, hiệu lực trong quản lý điều hành NSDP

(iii) KTNN đề xuất với các cấp có thẩm quyền hoàn thiện các chính sách, cơ chế quản lý và điều hành liên quan đến nguồn lực tài chính công

(iv) KTNN góp phần siết chặt kỷ luật, kỷ cương tài chính ngân sách, đấu tranh phòng chống tiêu cực, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

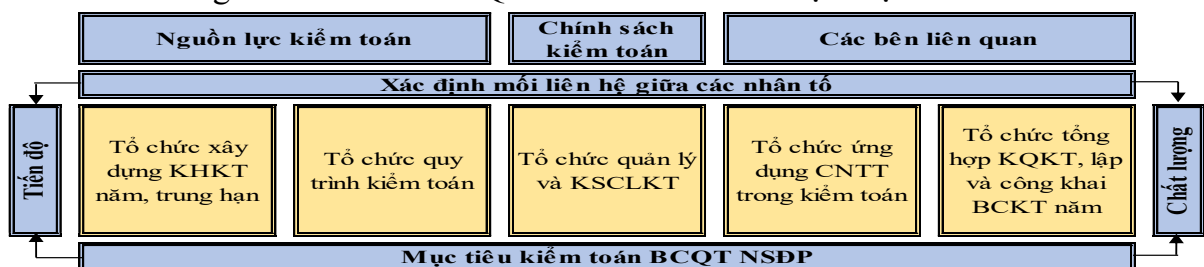
(v) Tính công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình được nâng cao trong quản lý, điều hành NSDP qua hoạt động của KTNN

1.1.5. Khái niệm, ý nghĩa và nguyên tắc tổ chức công tác kiểm toán BCQT NSDP do KTNN thực hiện

1.1.5.1. Khái niệm tổ chức công tác BCQT NSDP do KTNN thực hiện

NCS khái niệm “Tổ chức công tác kiểm toán BCQT NSDP do KTNN thực hiện là việc xác định các công việc cần thiết phải thực hiện, phân chia công việc kiểm toán đã xác định cho từng nhóm thực hiện dựa trên mối liên hệ giữa các nhân tố trong và ngoài hệ thống KTNN, kiểm tra giám sát và quản lý điều hành các nhóm thực hiện hoạt động kiểm toán để đạt được mục tiêu kiểm toán BCQT NSDP mà KTNN đã đặt ra”.

Tổ chức công tác kiểm toán BCQT NSDP do KTNN thực hiện theo sơ đồ sau:



(Nguồn: NCS tổng hợp từ tài liệu tham khảo)

1.1.5.2. Ý nghĩa tổ chức công tác kiểm toán BCQT NSDP do KTNN thực hiện

1.1.5.3. Nguyên tắc tổ chức công tác kiểm toán BCQT NSDP do KTNN thực hiện

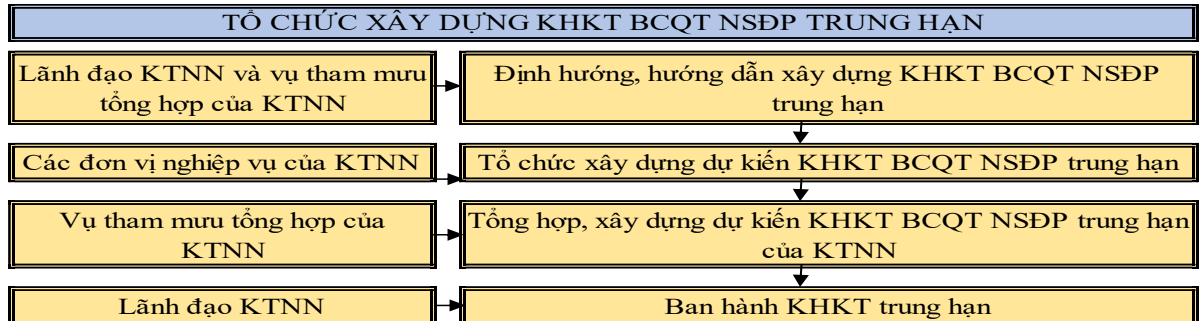
1.1.5.4. Căn cứ tổ chức công tác kiểm toán BCQT NSDP do KTNN thực hiện

1.2. NỘI DUNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KIỂM TOÁN BCQT NSDP DO KTNN THỰC HIỆN

1.2.1. Tổ chức xây dựng KHKT BCQT NSDP năm và trung hạn

1.2.1.1. Tổ chức xây dựng KHKT BCQT NSDP trung hạn

Công tác xây dựng KHKT BCQT NSDP trung hạn do KTNN thực hiện theo thông lệ được thực hiện theo trình tự các bước theo sơ đồ sau:



(Nguồn: NCS tổng hợp từ tài liệu tham khảo)

1.2.1.2. Tổ chức xây dựng KHKT BCQT NSDP năm

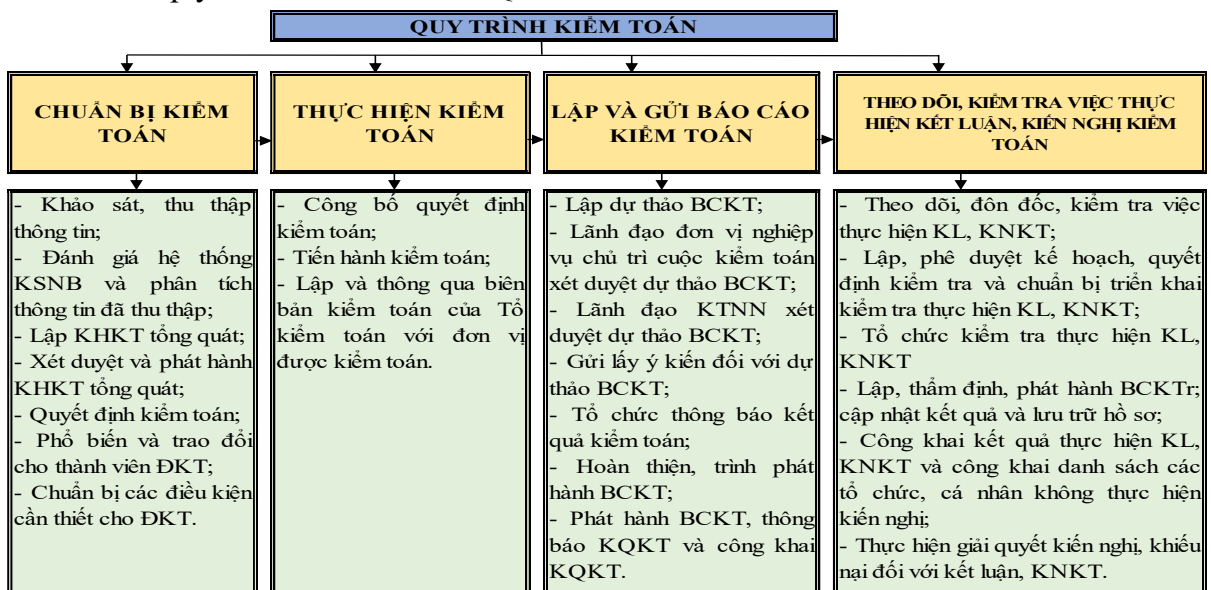
Công tác xây dựng KHKT BCQT NSDP năm do KTNN thực hiện theo thông lệ được thực hiện theo trình tự các bước theo sơ đồ 1.6, như sau:



(Nguồn: NCS tổng hợp từ tài liệu tham khảo)

1.2.2. Tổ chức quy trình kiểm toán BCQT NSDP

Tổ chức quy trình kiểm toán BCQT NSDP do KTNN thực hiện theo sơ đồ sau:



(Nguồn: NCS tổng hợp từ tài liệu tham khảo)

1.2.2.1. Tổ chức chuẩn bị kiểm toán BCQT NSDP

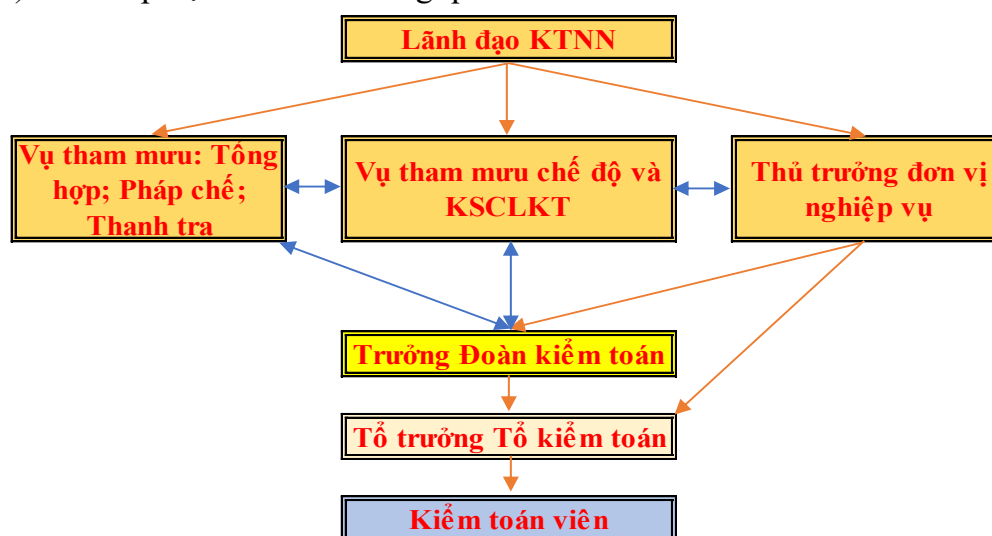
1.2.2.2. Tổ chức thực hiện kiểm toán BCQT NSDP

1.2.2.3. Tổ chức lập và gửi BCKT BCQT NSDP

1.2.2.4. Theo dõi, kiểm tra việc thực hiện kết luận, KNKT

1.2.3. Tổ chức quản lý và KSCL kiểm toán BCQT NSDP

KSCLKT theo quan điểm của INTOSAI là hệ thống các chính sách và thủ tục nhằm đảm bảo BCKT vừa tuân thủ chuẩn mực chuyên môn, vừa phù hợp với thực tiễn khách quan. Hệ thống này được vận hành theo cơ chế phân cấp, bao gồm: kiểm soát bên trong do các chủ thể trực tiếp thực hiện (*Kiểm toán viên, Tổ trưởng, Trưởng đoàn*) và kiểm soát độc lập bên ngoài từ cấp quản lý (*Thủ trưởng đơn vị nghiệp vụ, Lãnh đạo KTNN*). Các cấp độ KSCLKT thông qua sơ đồ sau:



Ghi chú: ↔ Quan hệ phối hợp kiểm soát chất lượng kiểm toán
→ Quan hệ chỉ đạo, kiểm soát trực tiếp chất lượng kiểm toán

(Nguồn: NCS tổng hợp từ các tài liệu tham khảo)

1.2.3.1. Tổ chức quản lý và KSCLKT BCQT NSDP bên trong ĐKT

1.2.3.2. Tổ chức quản lý và KSCLKT BCQT NSDP bên ngoài ĐKT

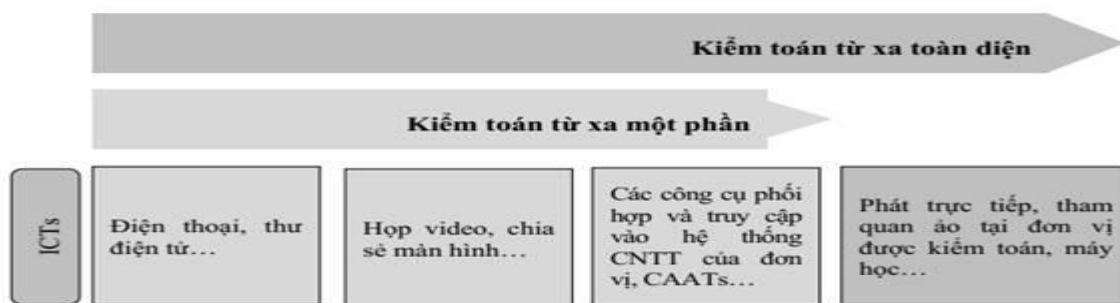
1.2.4. Tổ chức ứng dụng CNTT kiểm toán BCQT NSDP

1.2.4.1. Tổ chức xây dựng CSDL kiểm toán BCQT NSDP

CSDL phục vụ kiểm toán là hệ thống dữ liệu số hóa được tổng hợp khoa học từ các phần mềm nghiệp vụ xuyên suốt quy trình kiểm toán. Gồm: (i) xây dựng CSDL KHKT năm; xây dựng CSDL tiến độ và NKKT; xây dựng CSDL tổng hợp KQKT; xây dựng CSDL theo dõi thực hiện KNKT; xây dựng CSDL quản lý hồ sơ kiểm toán điện tử; xây dựng CSDL trao đổi thông tin của KTNN.

1.2.4.2. Tổ chức kiểm toán BCQT NSDP từ xa

Kiểm toán BCQT NSDP từ xa là phương thức vận dụng nền tảng CNTT và truyền thông để thu thập thực chứng điện tử, cho phép KTV xác lập ý kiến chuyên môn mà không bị giới hạn bởi không gian vật lý. Tổ chức kiểm toán BCQT NSDP từ xa thông qua sơ đồ sau:



(Nguồn: NCS tổng hợp tài liệu tham khảo)

Quy trình kiểm toán từ xa được triển khai chặt chẽ qua 04 giai đoạn: (i) Chuẩn bị kiểm toán; (ii) Thực hiện kiểm toán; (iii) Lập và gửi BCKT; (iv) Theo dõi kiến nghị.

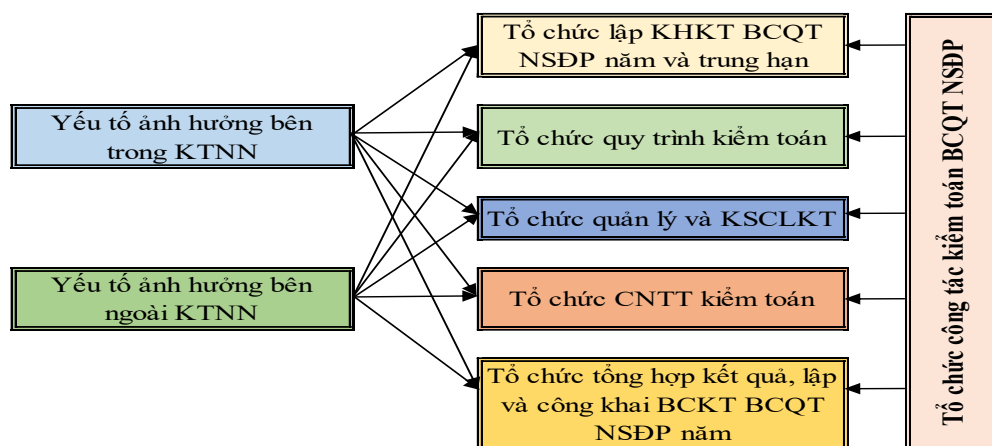
1.2.5. Tổ chức tổng hợp KQKT, lập và công khai BCKT BCQT NSDP năm

1.2.5.1. Tổ chức tổng hợp KQKT BCQT NSDP năm

1.2.5.2. Tổ chức lập và công khai BCKT BCQT NSDP năm

1.3. CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KIỂM TOÁN BCQT NSDP DO KTNN THỰC HIỆN

Các yếu tố ảnh hưởng đến tổ chức công tác được trình bày qua sơ đồ sau:



(Nguồn: NCS tổng hợp tài liệu tham khảo)

1.3.1. Các yếu tố ảnh hưởng bên trong KTNN

1.3.1.1. Chiến lược phát triển KTNN

1.3.1.2. Cơ cấu tổ chức thực hiện kiểm toán BCQT NSDP của KTNN

1.3.1.3. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của KTNN

1.3.1.4. Năng lực chuyên môn và kinh nghiệm nghề nghiệp của lãnh đạo và KTV tham gia kiểm toán

1.3.1.5. Đạo đức nghề nghiệp và quy tắc ứng xử của KTV

1.3.1.6. Các nguồn lực vật chất cho hoạt động kiểm toán báo cáo quyết toán ngân sách địa phương của KTNN

1.3.2. Các yếu tố ảnh hưởng bên ngoài KTNN

1.3.2.1. Địa vị pháp lý của KTNN

1.3.2.2. Thông lệ quốc tế về hoạt động kiểm toán của KTNN

1.3.2.3. Hệ thống chính trị, công tác quản lý điều hành NSDP

1.3.2.4. Vai trò, chức năng và nhiệm vụ của NSDP

1.3.2.5. Tính cấp thiết và nhu cầu sử dụng thông tin

1.3.2.6. Công tác phối hợp thực hiện công tác giữa KTNN với các đơn vị, tổ chức có liên quan

1.4. KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KIỂM TOÁN BCQT NSDP DO KTNN THỰC HIỆN VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM CHO KTNN VIỆT NAM

1.4.1. Kinh nghiệm quốc tế về tổ chức công tác kiểm toán BCQT NSDP do KTNN thực hiện

1.4.2. Bài học kinh nghiệm đối với KTNN Việt Nam

(i) Công tác lập KHKT năm và trung hạn cần chuyển trọng tâm từ tìm kiếm sai phạm sang đánh giá hiệu lực quản trị nội bộ và đề xuất giải pháp phòng ngừa rủi ro. Cần xây dựng phần mềm và hệ thống cơ sở dữ liệu về đối tượng kiểm toán để tăng cường kết nối, chia sẻ thông tin. Việc phân tích rủi ro từ dữ liệu này sẽ hỗ trợ lựa chọn đúng lĩnh vực và đầu mối trọng tâm, giúp tối ưu hóa hiệu quả hoạt động kiểm toán và quản lý nguồn lực công.

(ii) Tổ chức công tác kiểm toán phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của cơ quan kiểm toán tối cao, đảm bảo quy định của Luật KTNN và Luật NSNN, phù hợp với mô hình tổ chức chính quyền địa phương, phân cấp quản lý NSNN và thông lệ quốc tế.

(iii) Cần nâng cao hiệu quả kiểm toán gắn với đánh giá năng lực kiểm toán viên thông qua công tác theo dõi, kiểm tra thực hiện kiến nghị. Đồng thời, nên lồng ghép việc kiểm tra kiến nghị vào các cuộc kiểm toán năm sau và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin để đổi mới phương thức thực hiện, đảm bảo tính kịp thời và chính xác.

(iv) Cần đổi mới công tác KSCLKT thông qua việc thiết lập đồng bộ các chính sách, quy trình tự kiểm soát và kiểm soát độc lập. Quy trình này phải tuân thủ chuẩn mực, quy định rõ nội dung, thủ tục và trách nhiệm của từng cấp độ kiểm soát trong mỗi giai đoạn kiểm toán.

(v) Cần đẩy mạnh số hóa hồ sơ và xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý hoạt động kiểm toán, đồng thời triển khai kiểm toán CNTT trong toàn bộ quy trình. Việc bố trí nhân sự đoàn kiểm toán cần căn cứ vào mức độ ứng dụng công nghệ của đơn vị được kiểm toán, kết hợp tăng cường đào tạo kỹ năng sử dụng phần mềm chuyên ngành cho kiểm toán viên.

(vi) Cần xây dựng hệ thống mẫu biểu hồ sơ tổng hợp KQKT năm để thực hiện tổng hợp hợp quả kiểm toán đảm bảo thống nhất các năm; Đồng thời xây dựng mẫu báo cáo ngắn phục vụ cho công tác công khai KQKT năm của KTNN.

1.5. TIỂU KẾT CHƯƠNG 1

Chương 1 hệ thống hóa và bổ sung lý luận về NSDP, kiểm toán BCQT NSDP và khái niệm tổ chức công tác kiểm toán của KTNN. Luận án phân tích chi tiết 5 nội dung tổ chức cốt lõi, đồng thời làm rõ các nhân tố ảnh hưởng. Qua việc đúc kết kinh nghiệm quốc tế, chương này xác lập nền tảng lý luận vững chắc để phân tích thực trạng và đề xuất giải pháp ở các chương tiếp theo.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KIỂM TOÁN BCQT NSDP DO KTNN VIỆT NAM THỰC HIỆN

2.1. KHÁI QUÁT VỀ KIỂM TOÁN BCQT NSDP DO KTNN VIỆT NAM THỰC HIỆN

2.1.1. Khái quát sự hình thành, phát triển của KTNN Việt Nam và cơ cấu tổ chức

2.1.2. Hệ thống văn bản pháp lý về kiểm toán BCQT NSDP của KTNN Việt Nam

2.1.3. Khái quát kiểm toán BCQT NSDP do KTNN Việt Nam thực hiện

2.1.3.1. Sự phát triển kiểm toán BCQT NSDP của KTNN

2.1.3.2. Đặc điểm công tác kiểm toán BCQT NSDP do KTNN Việt Nam thực hiện

2.1.3.3. Kết quả kiểm toán BCQT NSDP do KTNN Việt Nam thực hiện

2.2. THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KIỂM TOÁN BCQT NSDP DO KTNN VIỆT NAM THỰC HIỆN

2.2.1. Thực trạng tổ chức xây dựng KHKT BCQT NSDP năm và trung hạn

2.2.1.1. Thực trạng tổ chức lập KHKT BCQT NSDP trung hạn

2.2.1.2. Thực trạng tổ chức xây dựng KHKT BCQT NSDP năm

2.2.2. Thực trạng tổ chức quy trình kiểm toán BCQT NSDP

2.2.2.1. Thực trạng tổ chức công tác chuẩn bị kiểm toán BCQT NSDP

2.2.2.2. Thực trạng tổ chức công tác thực hiện kiểm toán BCQT NSDP

2.2.2.3. Thực trạng tổ chức lập và gửi BCKT BCQT NSDP

2.2.2.4. Thực trạng theo dõi, kiểm tra việc thực hiện kết luận, KNKT BCQT NSDP

2.2.3. Thực trạng tổ chức quản lý và KSCL kiểm toán BCQT NSDP

2.2.3.1. Thực trạng tổ chức quản lý và KSCL kiểm toán BCQT NSDP bên trong ĐKT

2.2.3.2. Thực trạng tổ chức quản lý và KSCL kiểm toán BCQT NSDP bên ngoài ĐKT

2.2.4. Thực trạng tổ chức ứng dụng CNTT kiểm toán BCQT NSDP

2.2.4.1. Thực trạng tổ chức xây dựng CSDL kiểm toán BCQT NSDP

2.2.4.2. Thực trạng tổ chức kiểm toán BCQT NSDP từ xa

2.2.5. Thực trạng tổ chức tổng hợp KQKT BCQT NSDP, lập và công khai BCKT BCQT NSDP năm

2.2.5.1. Thực trạng tổ chức tổng hợp KQKT BCQT NSDP năm

2.2.5.2. Thực trạng tổ chức lập và công khai BCKT BCQT NSDP năm

2.3. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KIỂM TOÁN BCQT NSDP DO KTNN VIỆT NAM THỰC HIỆN

2.3.1. Những kết quả đạt được trong tổ chức công tác kiểm toán BCQT NSDP do KTNN Việt Nam thực hiện

2.3.1.1. Kết quả đạt được trong tổ chức xây dựng KHKT BCQT NSDP năm và trung hạn

2.3.1.2. Kết quả đạt được trong tổ chức quy trình kiểm toán BCQT NSDP

2.3.1.3. Kết quả đạt được trong tổ chức quản lý và KSCL kiểm toán BCQT NSDP

2.3.1.4. Kết quả đạt được trong tổ chức ứng dụng CNTT kiểm toán BCQT NSDP

2.3.1.5. Kết quả đạt được trong tổng hợp KQKT BCQT NSDP, lập và công khai

BCKT BCQT NSDP năm

2.3.2. Những hạn chế trong tổ chức công tác kiểm toán BCQT NSDP do KTNN Việt Nam thực hiện

2.3.2.1. Hạn chế trong tổ chức xây dựng KHKT BCQT NSDP năm và trung hạn

(a) Hạn chế trong tổ chức xây dựng KHKT BCQT NSDP trung hạn

(b) Hạn chế trong tổ chức xây dựng KHKT BCQT NSDP năm

2.3.2.2. Hạn chế trong tổ chức quy trình kiểm toán BCQT NSDP

(a) Hạn chế trong tổ chức chuẩn bị kiểm toán BCQT NSDP

(b) Hạn chế trong tổ chức thực hiện kiểm toán BCQT NSDP

(c) Hạn chế trong tổ chức lập và gửi BCKT BCQT NSDP

(d) Hạn chế trong tổ chức theo dõi, kiểm tra việc thực hiện kết luận, KNKT BCQT NSDP

2.3.2.3. Hạn chế trong tổ chức quản lý và KSCL kiểm toán BCQT NSDP

(a) Hạn chế trong tổ chức quản lý và KSCLKT BCQT NSDP bên trong ĐKT

(b) Hạn chế trong tổ chức quản lý và KSCLKT BCQT NSDP bên ngoài ĐKT

2.3.2.4. Hạn chế trong tổ chức ứng dụng CNTT kiểm toán BCQT NSDP

(a) Hạn chế trong tổ chức xây dựng CSDL kiểm toán BCQT NSDP

(b) Hạn chế trong tổ chức kiểm toán BCQT NSDP từ xa

2.3.2.5. Hạn chế trong tổ chức tổng hợp KQKT BCQT NSDP, lập và công khai BCKT BCQT NSDP năm

(a) Hạn chế trong tổ chức tổng hợp KQKT BCQT NSDP năm

(b) Hạn chế trong tổ chức lập và phát hành BCKT BCQT NSDP năm

2.3.3. Nguyên nhân của những hạn chế trong tổ chức công tác kiểm toán BCQT NSDP do KTNN Việt Nam thực hiện

(a) Nguyên nhân thuộc phía nhà nước và cơ quan quản lý nhà nước

(b) Nguyên nhân thuộc phía KTNN

(c) Nguyên nhân thuộc về phía địa phương

2.4. TIỂU KẾT CHƯƠNG 2

Chương 2 khái quát sự hình thành của KTNN Việt Nam và đánh giá thực trạng tổ chức kiểm toán BCQT NSDP theo 5 nội dung trọng tâm: xây dựng KHKT năm và trung hạn, thực hiện quy trình kiểm toán, quản lý và KSCLKT, ứng dụng CNTT, tổng hợp kết quả và lập, công khai BCKT năm. Qua đó, tác giả nhận diện rõ kết quả, hạn chế và nguyên nhân, làm căn cứ thực tiễn đề xuất các giải pháp hoàn thiện tại Chương 3.

CHƯƠNG 3

GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KIỂM TOÁN BCQT NSDP DO KTNN VIỆT NAM THỰC HIỆN

3.1. CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KTNN VIỆT NAM ĐẾN NĂM 2030 VÀ NHỮNG TÁC ĐỘNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG KIỂM TOÁN BCQT NSDP

3.1.1. Chiến lược phát triển KTNN đến năm 2030 và sự tác động đến hoạt động kiểm toán BCQT NSDP

3.1.2. Sự cần thiết phải hoàn thiện tổ chức công tác kiểm toán BCQT NSDP do

KTNN Việt Nam thực hiện

3.2. NGUYÊN TẮC VÀ YÊU CẦU HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KIỂM TOÁN BCQT NSDP DO KTNN VIỆT NAM THỰC HIỆN

3.2.1. Nguyên tắc hoàn thiện tổ chức công tác kiểm toán BCQT NSDP do KTNN Việt Nam thực hiện

Một là, tổ chức công tác kiểm toán BCQT NSDP phải tuân thủ chủ trương, đường lối của Đảng, nhà nước về phát triển KTNN.

Hai là, tổ chức công tác kiểm toán BCQT NSDP cần đảm bảo nguyên tắc căn bản hoạt động của KTNN Việt Nam đã được hiến định và được luật hóa “độc lập và chỉ tuân theo pháp luật” và “trung thực, khách quan”.

Ba là, tổ chức công tác kiểm toán BCQT NSDP phải được thực hiện theo chuẩn mực KTNN, quy trình kiểm toán, quy chế và quy định của KTNN.

Bốn là, tổ chức công tác kiểm toán BCQT NSDP hoàn thiện cần phải tuân thủ nguyên tắc, tiếp thu kinh nghiệm của tổ chức các cơ quan kiểm toán tối cao phù hợp với thực tiễn và hội nhập quốc tế.

Năm là, tổ chức công tác kiểm toán BCQT NSDP hoàn thiện cần phải phù hợp với đặc điểm quản lý NSDP, tình hình KTXH tại các địa phương, quy định mới của Luật NSNN số 89/2025/QH15, những đổi mới cơ chế phân cấp quản lý NSDP và chính sách tài chính nhằm đáp ứng yêu cầu vận hành của mô hình chính quyền địa phương hai cấp (*tỉnh, xã*) hiện nay và những tác động của chuyển đổi số không chỉ dừng lại ở việc thay đổi hình thức lưu trữ dữ liệu mà còn tạo ra những chuyển biến sâu sắc trong công tác kiểm BCQT NSDP.

3.2.2. Yêu cầu hoàn thiện tổ chức công tác kiểm toán BCQT NSDP do KTNN Việt Nam thực hiện

(i) Tổ chức lập KHKT BCQT NSDP năm và trung hạn cần đáp ứng yêu cầu thông tin của Đảng và Nhà nước, tập trung vào các chuyên đề dư luận quan tâm. Công tác này phải đảm bảo tính khoa học, linh hoạt, tránh chồng chéo với cơ quan thanh tra, kiểm tra; đồng thời lồng ghép nội dung kiểm toán để tối ưu nguồn lực và hạn chế ảnh hưởng đến đơn vị được kiểm toán.

(ii) Tổ chức quy trình kiểm toán cần đổi mới theo hướng chuyên nghiệp hóa, trọng tâm là ứng dụng công nghệ thông tin và tăng cường phối hợp giữa các đơn vị. Việc này nhằm tối ưu hóa thời gian thực hiện, đảm bảo tính minh bạch và nâng cao độ tin cậy của các kết luận, kiến nghị kiểm toán.

(iii) Tổ chức công tác quản lý và KSCLKT nhằm phát huy hiệu quả hệ thống KSCLKT ở 2 cấp là cấp hệ thống và cấp từng cuộc kiểm toán, phát huy hiệu quả của 05 cấp độ kiểm soát, phù hợp với định hướng trong chiến lược phát triển KTNN đến năm 2030.

(iv) Tổ chức ứng dụng CNTT cần đảm bảo dữ liệu kiểm toán "đúng, đủ, sạch, sống" và thống nhất. Cần đồng bộ hóa việc số hóa các loại hình kiểm toán, khai thác hiệu quả tài nguyên số của ngành và địa phương, đồng thời sử dụng các công cụ phân tích dữ liệu để hỗ trợ ra quyết định chính xác, minh bạch.

(v) Tổ chức tổng hợp và lập BCKT năm đảm bảo yêu cầu cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác và đúng pháp luật các thông tin về kết quả kiểm toán.

3.3. GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KIỂM TOÁN BCQT

NSDP DO KTNN VIỆT NAM THỰC HIỆN

3.3.1. Hoàn thiện tổ chức xây dựng KHKT BCQT NSDP năm và trung hạn

3.3.1.1. Hoàn thiện tổ chức xây dựng KHKT BCQT NSDP trung hạn

Một là, cần tổ chức khảo sát thu thập thông tin dữ liệu đầy đủ, kịp thời giúp nâng cao chất lượng công tác phân tích dự báo, đề xuất xây dựng KHKT trung hạn hiệu quả.

Hai là, cần xây dựng KHKT BCQT NSDP trung hạn đầy đủ nội dung, đảm bảo chất lượng và cần xác định chủ đề, đơn vị được kiểm toán theo thứ tự ưu tiên và cần mang tính định hướng, liên kết giữa các nhiệm vụ kiểm toán.

Ba là, cần chú trọng phân tích đặc điểm KTXH của từng địa phương để nâng cao năng lực dự báo và xác định “đúng và trúng” các lĩnh vực, chủ đề, đầu mối, đơn vị được kiểm toán trọng yếu để thực hiện hiệu quả chức năng đánh giá, xác nhận và kết luận, kiến nghị trong việc quản lý tài chính công và tài sản công tại địa phương. Để thực hiện hiệu quả chức năng đánh giá và xác nhận quyết toán trong mô hình chính quyền hai cấp (tỉnh, xã), cần phân tích đặc điểm KTXH của các địa phương theo mô hình hai cấp (tỉnh, xã) và lựa chọn lĩnh vực, chủ đề, đầu mối, đơn vị được kiểm toán dựa trên đánh giá rủi ro và phân cấp đối tượng. Theo đó, các đơn vị NS cấp xã có quy mô lớn và vai trò chủ đạo phải được ưu tiên kiểm toán, mức độ bao phủ các xã được lựa chọn phải đủ lớn để đảm bảo các xã quan trọng, có rủi ro cao phải được kiểm toán trong vòng 03 năm, đối với các đơn vị còn lại cần thiết lập lộ trình kiểm toán cuốn chiếu trong vòng 05 năm để đảm bảo độ bao phủ hệ thống. Giải pháp phân bổ nguồn lực theo trọng tâm này là hướng đi tất yếu để tối ưu hóa thời gian và nhân lực hữu hạn, trong khi vẫn kiểm soát chặt chẽ rủi ro tại các địa bàn trọng điểm.

Bốn là, cần nâng cao hiệu quả công tác phối hợp trong xây dựng KHKT BCQT NSDP trung hạn giữa KTNN với các cơ quan thanh tra, kiểm tra của Đảng, nhà nước và trong ngành kiểm toán giảm thiểu chồng chéo, trùng lặp trong hoạt động thanh tra, kiểm toán.

3.3.1.2. Hoàn thiện tổ chức xây dựng KHKT BCQT NSDP năm

Một là, cần nâng cao chất lượng công tác khảo sát thu thập thông tin phục vụ xây dựng KHKT BCQT NSDP năm.

Hai là, tăng cường phân tích nhận diện rủi ro và xác định trọng yếu kiểm toán để “chọn đúng và trúng” các lĩnh vực, chủ đề, đầu mối, đơn vị được kiểm toán, đơn vị được kiểm tra, đối chiếu trong KHKT BCQT NSDP năm và cần tổ chức xây dựng KHKT BCQT NSDP năm theo hướng tăng cường liên kết lựa chọn kiểm toán chuyên đề kiểm toán lồng ghép tại địa phương. KTNN cần hoàn thiện tiêu chí chọn mẫu kiểm toán NS cấp xã nhằm thích ứng với mô hình chính quyền địa phương hai cấp. Theo đó, quy định mới cần ưu tiên các xã có quy mô NS lớn và vai trò chủ đạo trong vòng 3 năm. Đối với các đơn vị còn lại, cần thiết lập lộ trình kiểm toán cuốn chiếu trong vòng 5 năm để đảm bảo độ bao phủ toàn diện. Việc phân tầng đối tượng dựa trên rủi ro và tính trọng yếu này là giải pháp cốt lõi để nâng cao chất lượng xác nhận BCQT NSDP trong điều kiện nguồn lực hữu hạn.

Ba là, cần xây dựng phương án tổ chức kiểm toán đảm bảo đáp ứng tốt các hoạt động của KTNN, phù hợp với đặc điểm quản lý NSDP và nâng cao hiệu quả công tác kiểm toán BCQT NSDP.

3.3.2. Hoàn thiện tổ chức quy trình kiểm toán BCQT NSDP

3.3.2.1. Hoàn thiện tổ chức chuẩn bị kiểm toán BCQT NSDP

Một là, cần chuẩn hóa, bổ sung biểu mẫu đề cương khảo sát thu thập thông tin lập KHKT tổng quát vào hệ thống biểu mẫu hồ sơ kiểm toán của KTNN và tổ chức phương án khảo sát thu thập thông tin đảm bảo khả thi, hiệu quả. Đề cương này phải được thiết kế đồng bộ với hệ thống dữ liệu của đơn vị được kiểm toán, trong đó lưu ý thiết kế biểu mẫu đề cương khảo sát phù hợp với biểu mẫu quyết toán NSDP của chính quyền địa phương hai cấp (*tỉnh, xã*) đáp ứng cơ chế vận hành chính quyền địa phương hai cấp, song song đó tập trung vào việc đánh giá hệ thống KSNB phù hợp thực trạng BCQT NSDP được tổng hợp theo phân cấp, đa dạng loại hình tổ chức, lưu ý đánh giá hệ thống KSNB phù hợp với mô hình tổ chức chính quyền địa phương hai cấp và cơ chế chính sách mới để đáp ứng công tác vận hành bộ máy quản lý mới. Các ĐKT cần chủ động xây dựng phương án khảo sát khả thi, phân bổ nhân lực và thời gian hợp lý để thu thập dữ liệu kịp thời. Đồng thời, việc ứng dụng CNTT vào quản lý, số hóa hồ sơ và cải tiến mẫu biểu theo hướng tinh gọn là yếu tố then chốt để giảm áp lực thời gian khảo sát mà vẫn đảm bảo đầy đủ thông tin lập kế hoạch kiểm toán

Hai là, cần nâng cao chất lượng công tác thu thập thông tin bằng cách sử dụng linh hoạt các phương pháp khảo sát nhằm thu thập đầy đủ kịp thời thông tin hữu ích lập KHKT tổng quát. Để lập KHKT tổng quát chất lượng, cần đa dạng hóa các phương thức thu thập thông tin thông qua quan sát trực tiếp và thử nghiệm kiểm soát. Trọng tâm là phân tích sâu hệ thống KSNB, bao gồm các thủ tục, quy trình vận hành và kết quả tự kiểm tra, trong đó lưu ý việc vận hành chính quyền địa phương hai cấp (*tỉnh, xã*) và cơ chế chính sách mới vận hành bộ máy quản lý mới để thực hiện phân tích sâu hệ thống KSNB phù hợp với thực trạng và kết hợp với dữ liệu tài chính, hồ sơ thảo luận dự toán NSNN và các văn bản điều hành của Chính phủ, Bộ ngành và chính quyền địa phương. Việc tổng hợp dữ liệu đa chiều này là căn cứ khoa học để nhận diện rủi ro, xác định trọng yếu, từ đó thiết lập phạm vi và thủ tục kiểm toán phù hợp, đảm bảo tính chặt chẽ và khả thi cho toàn bộ cuộc kiểm toán.

Ba là, cần quan tâm phân tích đánh giá hệ thống KSNB khoa học, phù hợp thực tế thông qua hệ thống tiêu chí đánh giá hệ thống KSNB phù hợp với thực tế của đơn vị được kiểm toán. Đặc điểm quản lý NSDP theo phân cấp, BCQT NSDP được tổng hợp từ nhiều BCQT cấp dưới, để chuẩn hóa việc đánh giá hệ thống KSNB trong bối cảnh quản lý NS theo phân cấp, KTNN cần ban hành bộ tiêu chí đánh giá KSNB mẫu dành cho các KTNN khu vực. Bộ tiêu chí này phải bao quát các khía cạnh như: sự hiện hữu, tính đầy đủ, hiệu lực và độ tin cậy của hệ thống. Trong đó, sự hiện hữu được xác nhận qua khung pháp lý vận hành, tính đầy đủ thể hiện ở sự phân nhiệm và quy trình kiểm soát khép kín, hiệu lực được nhận diện qua tính kịp thời của các văn bản điều hành và cơ chế trao đổi thông tin báo cáo. Đặc biệt, đối với mô hình chính quyền hai cấp (*tỉnh, xã*), cần tập trung đánh giá tính liên chính và năng lực thích ứng của bộ máy cấp xã trước các nhiệm vụ mới. Việc sử dụng KTV giàu kinh nghiệm để nhận diện những “khuyết tật” trong hệ thống KSNB là cơ sở then chốt để đánh giá rủi ro và xác định trọng yếu kiểm toán chính xác.

Bốn là, cần nâng cao chất lượng công tác lập KHKT tổng quát đảm bảo thực hiện được

các mục tiêu kiểm toán đánh giá và xác nhận BCQT NSDP, giảm thiểu rủi ro kiểm toán và tổ chức tiến hành cuộc kiểm toán một cách kinh tế, hiệu quả, hiệu lực, thông qua các nội dung sau: (i) Việc xác định mục tiêu kiểm toán phải đảm bảo tính thiết thực, khả thi và tối ưu hóa giữa nguồn lực với khuôn khổ thời gian thực hiện; (ii) Cần quan tâm đến nhận diện rủi ro và xác định trọng yếu kiểm toán nhằm xác nhận tính trung thực hợp lý, đúng đắn của BCQT NSDP (Đặc biệt chú trọng đến công tác nhận diện rủi ro và xác định trọng yếu kiểm toán gắn liền đặc điểm quản lý NSDP phù hợp với mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp (*tỉnh, xã*) để đạt được mục tiêu kiểm toán BCQT NSDP); (iii) Cần xác định nội dung và trọng tâm kiểm toán phù hợp với Chuẩn mực, quy trình và hướng dẫn của KTNN dựa trên thông tin đã thu thập (KTNN cần cập nhật hướng dẫn kiểm toán BCQT theo mô hình chính quyền hai cấp (*tỉnh, xã*), tập trung vào các tiêu chí xác nhận tính trung thực của số liệu và tính tuân thủ trong quản lý, trong đó cần rà soát chức năng nhiệm vụ của các đơn vị và các quy định mới để sửa đổi các nội dung kiểm toán tuân thủ phù hợp với chức năng nhiệm vụ của các cơ quan tổng hợp theo quy định mới vận hành chính quyền địa phương hai cấp); (iv) Cần xác định phương pháp kiểm toán và thủ tục kiểm toán đầy đủ, phù hợp với từng nội dung, khoản mục kiểm toán (Cần đổi mới phương pháp kiểm toán theo hướng tiếp cận rủi ro và xác định trọng yếu để thích ứng với mô hình chính quyền địa phương hai cấp (*tỉnh, xã*). Việc linh hoạt kết hợp các thủ tục kiểm toán là giải pháp then chốt để giải quyết bài toán gia tăng số lượng đơn vị NS cấp xã trong bối cảnh thời hạn quyết toán bị rút ngắn theo quy định mới. Cách tiếp cận này giúp tối ưu hóa nguồn lực, tập trung vào các khu vực rủi ro cao nhằm đảm bảo hoàn thành mục tiêu kiểm toán đề ra); (v) Cần tổ chức nhân sự thực hiện kiểm toán BCQT NSDP theo mô hình lồng ghép hay trực tuyến đảm bảo số lượng, chất lượng, cơ cấu chuyên môn phù hợp thực hiện kiểm toán đảm bảo hiệu quả và nâng cao chất lượng BCKT (Đặc điểm NSDP quản lý theo phân cấp (*tỉnh, huyện, xã*) nay gắn với mô hình chính quyền 02 cấp (*tỉnh, xã*) và sự khác biệt về mô hình tổ chức và loại hình hoạt động của mỗi đơn vị, như vậy BCQT NS của mỗi đơn vị có quy mô và tính chất phức tạp khác nhau. Vì vậy, cần có bố trí nhân sự để đảm bảo số bố trí đủ số lượng, đảm bảo chất lượng và cơ cấu chuyên môn, thời gian kiểm toán theo khuôn khổ cho phép của Luật NSNN số 89/2025/QH15 rút ngắn thời gian và quy trình kiểm toán); (vi) Cần bố trí thời hạn thực hiện kiểm toán của ĐKT hợp lý đảm bảo yêu cầu trong khuôn khổ thời gian cho phép và phù hợp mục tiêu kiểm toán (KTNN cần bố trí thời gian thực hiện kiểm toán phù hợp với xã có quy mô NS lớn, chiếm vai trò chủ đạo, rủi ro cao để thực hiện kiểm toán đảm bảo, đồng thời bố trí các KTV dày dặn kinh nghiệm thực hiện kiểm toán các nội dung kiểm toán khó tại cơ quan tổng hợp để giải quyết những thách thức trong việc tổ chức chính quyền địa phương hai cấp (*tỉnh, xã*) đảm bảo mục tiêu đề ra và cung cấp thông tin hữu ích, đầy đủ, kịp thời cho Quốc hội và HĐND tỉnh phê chuẩn quyết toán); (vii) Cần xác định phạm vi và giới hạn kiểm toán phù hợp với mục tiêu kiểm toán BCQT NSDP (Khi thực hiện kiểm toán các TKT cần phân tích đặc điểm của BCQT và cần ưu tiên lựa chọn BCQT có quy mô lớn lựa chọn kiểm tra, đối chiếu để giải quyết các thách thức từ tổ chức chính quyền địa phương hai cấp (*tỉnh, xã*), đảm bảo mức độ bao phủ đủ lớn để khẳng định BCQT NSDP đảm bảo trung thực, hợp lý và xác định phạm vi giới hạn khách quan để cung cấp thông tin hữu ích cho Quốc

hội và HĐND phê chuẩn quyết toán).

Năm là, nâng cao chất lượng tổ chức công tác thẩm định, xét duyệt và ban hành KHKT tổng quát.

Sáu là, nâng cao chất lượng công tác phổ biến và trao đổi những nội dung quan trọng về chuyên môn nghiệp vụ và trách nhiệm quyền hạn các bên liên quan hoạt động kiểm toán trong khi thực hiện nhiệm vụ.

3.3.2.2. Hoàn thiện tổ chức thực hiện kiểm toán BCQT NSDP

Một là, cần tổ chức công tác xây dựng và phê duyệt KHKT chi tiết của các TKT đảm bảo hiệu quả và nâng cao chất lượng.

Hai là, cần thu thập thông tin đầy đủ, kịp thời và phân tích thông tin dữ liệu nhận diện rủi ro để “chọn đúng, chọn trúng, chọn đủ BCQT” cần phải kiểm tra đối chiếu nhằm nâng cao chất lượng kế hoạch kiểm tra đối chiếu.

Ba là, cần đổi mới toàn diện phương thức thủ tục kiểm toán trong thu thập và đánh giá bằng chứng kiểm toán toàn diện nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng kiểm toán

Bốn là, cần nâng cao chất lượng báo cáo tiến độ, kết quả và tình hình hoạt động kiểm toán của ĐKT.

Năm là, cần nâng cao chất lượng công tác lập và thông qua BBKT với đơn vị được kiểm toán

3.3.2.3. Hoàn thiện tổ chức lập và gửi BCKT BCQT NSDP

Một là, cần nâng cao chất lượng công tác tổng hợp, lập BCKT đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin hữu ích cho các đối tượng sử dụng thông tin BCKT (KTNN cần rà soát hệ thống hồ sơ mẫu biểu, hồ sơ kiểm toán (*trong đó có mẫu biểu BCKT*) phù hợp với phù hợp mẫu biểu quyết toán NSDP của chính quyền địa phương hai cấp (*tỉnh, xã*) là cơ sở cho các ĐKT triển khai thực hiện nhiệm vụ đảm bảo pháp lý, đồng thời các ĐKT cần bố trí nhân sự tham gia tổng hợp KQKT lập dự thảo BCKT có tư duy tổng hợp tốt, ứng dụng CNTT hiệu quả thực hiện nhiệm vụ tổng hợp BCKT đảm bảo chất lượng và tiến độ).

Hai là, cần nâng cao chất lượng công tác xét duyệt BCKT nhằm nâng cao chất lượng cung cấp thông tin hữu ích cho các đối tượng sử dụng thông tin.

Ba là, cần nâng cao chất lượng công tác lấy ý địa phương được kiểm toán về dự thảo kết luận, KNKT.

Bốn là, cần nâng cao chất lượng hoàn thiện và phát hành BCKT, thông báo kết quả kiểm toán và công khai BCKT.

3.3.2.4. Hoàn thiện tổ chức theo dõi, kiểm tra việc thực hiện kết luận, KNKT BCQT NSDP

Một là, nâng cao hiệu quả, đảm bảo chất lượng trong tổ chức công tác theo dõi kiểm tra việc thực hiện kết luận và KNKT.

Hai là, cần nâng cao chất lượng lập kế hoạch kiểm tra thực hiện kết luận và KNKT nhằm ghi nhận đúng, đủ, kịp thời đảm bảo nâng cao hiệu lực KNKT.

Ba là, cần nâng cao hiệu quả tổ chức thực hiện kiểm tra thực kết luận, KNKT nhằm nâng cao hiệu lực KNKT.

Bốn là, cần nâng cao chất lượng tổ chức công tác tổng hợp và lập, xét duyệt, phát

hành báo cáo kiểm tra việc thực hiện kết luận, KNKT.

Năm là, cần đổi mới tích cực trong tổ chức công khai thông tin danh sách đơn vị, tổ chức và cá nhân chưa thực hiện kết luận và KNKT.

Sáu là, cần quan tâm đến công tác trả lời các kết luận, kiến nghị kiểm toán vướng mắc, nhằm xử lý triệt để các KNKT vướng mắc.

3.3.3. Hoàn thiện tổ chức quản lý và KSCL kiểm toán BCQT NSDP

3.3.3.1. Hoàn thiện tổ chức quản lý và KSCL kiểm toán BCQT NSDP bên trong Đoàn kiểm toán

Một là, cần thiết lập hệ thống chính sách, thủ tục KSCLKT phù hợp, đồng bộ làm căn cứ pháp lý tổ chức và hoạt động kiểm soát của các cấp độ kiểm soát

Hai là, cần nâng cao chất lượng tổ chức công tác quản lý và KSCLKT bên trong ĐKT BCQT NSDP giúp nâng cao chất lượng BCKT, hiệu lực KNKT (Để thích ứng với mô hình chính quyền địa phương hai cấp (tỉnh, xã) và sự thay đổi về cơ chế chính sách, KTNN cần đổi mới công tác KSCLKT bên trong ĐKT ngay từ khâu đánh giá hệ thống KSNB. Việc đánh giá chính xác thực trạng KSNB cho phép Tổ kiểm toán linh hoạt điều chỉnh phương pháp, như: ưu tiên thử nghiệm kiểm soát để tiết kiệm nguồn lực nếu hệ thống KSNB đủ mạnh, hoặc mở rộng kiểm tra chi tiết nếu hệ thống KSNB yếu. Đồng thời, việc phân giao nhiệm vụ phải dựa trên năng lực chuyên môn và kỹ năng CNTT của KTV để thúc đẩy tính tự kiểm soát. Song song đó, lãnh đạo Đoàn và Tổ kiểm toán cần duy trì cơ chế giám sát thực địa thường xuyên, đưa ra các giải pháp điều hành tác nghiệp kịp thời nhằm đảm bảo mọi vùng rủi ro trọng yếu đều được xử lý triệt để, nâng cao chất lượng kiểm toán từ bên trong ĐKT).

3.3.3.2. Hoàn thiện tổ chức quản lý và KSCL kiểm toán BCQT NSDP bên ngoài Đoàn kiểm toán

Một là, cần nâng cao chất lượng KSCLKT của Kiểm toán trưởng KTNN KV hiệu quả, vì KTT chịu trách nhiệm kiểm soát các hoạt động kiểm toán trong phạm vi của đơn vị và trực tiếp triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách và sự chỉ đạo của lãnh đạo KTNN về hoạt động kiểm toán (Để giải quyết áp lực về nhân lực và thời gian khi số lượng đơn vị ngân sách cấp xã tăng mạnh trong mô hình chính quyền hai cấp (tỉnh, xã), Kiểm toán trưởng các KTNN khu vực cần chuyển dịch từ phương thức kiểm soát truyền thống sang kiểm soát thông minh dựa trên rủi ro. Giải pháp trọng tâm là ứng dụng CNTT để phân tích dữ liệu tác nghiệp của các TKT theo thời gian thực. Thay vì kiểm tra dàn trải, cần áp dụng phương pháp chọn mẫu dựa trên các dấu hiệu rủi ro để thực hiện KSCLKT đột xuất, giúp tối ưu hóa nguồn lực và nâng cao hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý điều hành).

Hai là, nâng cao chất lượng thẩm định hội đồng cấp ngành đối với xét duyệt KHKT, BCKT của các vụ tham mưu và tăng cường công tác KSCLKT của Vụ Chế độ và KSCLKT (Để thích ứng với việc gia tăng số lượng đơn vị NS cấp xã và thời hạn quyết toán rút ngắn, lãnh đạo KTNN cần thực hiện quản trị xuyên suốt từ khâu lập kế hoạch đến thực hiện. Trọng tâm là đẩy mạnh giám sát qua NKKT điện tử để kiểm soát chất lượng theo thời gian thực, kết hợp với các đợt kiểm tra đột xuất dựa trên phân tích rủi ro của từng TKT. Tại giai đoạn hoàn thiện, công tác thẩm định dự thảo BCKT phải

đặc biệt chú trọng tính xác thực của bằng chứng và tính khả thi của các kiến nghị. Việc kiểm soát chặt chẽ này nhằm đảm bảo BCKT là nguồn thông tin tin cậy, kịp thời phục vụ Quốc hội và HĐND trong việc phê chuẩn quyết toán ngân sách).

Ba là, thực hiện hiệu quả hoạt động phối hợp giữa các KTNN KV với các vụ tham mưu của KTNN trong công tác thẩm định xét duyệt dự thảo, hoàn thiện và phát hành KHKT tổng quát, BCKT.

Bốn là, KTNN cần ban hành quy định chấm điểm chất lượng ý kiến thẩm định đối với các dự thảo kế hoạch KHKT, BBKT và BCKT.

Năm là, để hiện đại hóa công tác kiểm soát chất lượng, KTNN cần phát triển phần mềm NKKT điện tử tích hợp hệ thống mẫu biểu chuẩn, trong đó thiết lập các trường dữ liệu bắt buộc về nội dung, số liệu, hồ sơ và bằng chứng thu thập theo ngày.

3.3.4. Hoàn thiện tổ chức ứng dụng CNTT kiểm toán BCQT NSDP

3.3.4.1. Hoàn thiện tổ chức xây dựng cơ sở dữ liệu kiểm toán BCQT NSDP

Một là, cần ban hành mẫu biểu trường thông tin đồng bộ với thông tin trên phần mềm lập KHKT giúp công tác cập nhật cơ sở dữ liệu lên phần mềm được thực hiện linh hoạt và tiết kiệm thời gian.

Hai là, cần cập nhật đầy đủ, kịp thời dữ liệu tổng hợp KQKT để xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ công tác quản lý chỉ đạo điều hành của lãnh đạo các cấp trong kiểm toán BCQT NSDP hiệu quả

Ba là, cần cập nhật đầy đủ, kịp thời dữ liệu trên phần mềm NKKT giúp nâng cao chất lượng công tác quản lý điều hành hoạt động ĐKT

Bốn là, cần tạo lập hồ sơ kiểm toán trên phần mềm quản lý hồ sơ kiểm toán đảm bảo quy định nhằm hỗ trợ công tác quản lý điều hành hoạt động kiểm toán đảm bảo chất lượng, hiệu quả

Năm là, cần nâng cao chất lượng xây dựng cơ sở dữ liệu cập nhật kết quả thực hiện KNKT đầy đủ, kịp thời

Sáu là, cần sửa đổi, bổ sung các quy định để tăng cường phối hợp của địa phương và đơn vị được kiểm toán cập nhật thông tin trên cổng trao đổi thông tin của KTNN nhằm nâng cao tính hiệu quả của phần mềm

3.3.4.2. Hoàn thiện tổ chức kiểm toán BCQT NSDP từ xa

Một là, tăng cường ứng dụng CNTT trong lập KHKT tổng quát nhằm nâng cao chất lượng công việc, hiệu quả

Hai là, cần đẩy mạnh kiểm toán BCQT NSDP từ xa toàn diện và sử dụng hiệu quả công cụ kỹ thuật CNTT trong hoạt động kiểm toán (Việc vận hành chính quyền địa phương hai cấp (tỉnh, xã) phát sinh tăng số lượng đơn vị NS cấp xã và việc quản lý tài chính NS hiện nay được vận hành trên nền tảng CNTT thống nhất trong hệ thống Tabmis tích hợp đòi hỏi KTNN cần phải đẩy mạnh ứng dụng CNTT và các công cụ phân tích trong hoạt động kiểm toán để giải quyết khối lượng công việc kiểm toán đồ sộ, đảm bảo chất lượng và tương thích với hoạt động chuyển đổi số của các đơn vị được kiểm toán, thông qua đó chuyển đổi hoạt động kiểm toán truyền thống sang kiểm toán số, giúp tối ưu hóa nguồn lực và nâng cao hiệu quả hoạt động kiểm toán).

Ba là, nâng cao hiệu quả công tác lập và gửi BCKT BCQT NSDP từ xa.

Bốn là, nâng cao hiệu quả công tác tổ chức theo dõi, đôn đốc, kiểm tra thực hiện kết luận, KNKT BCQT NSDP từ xa.

Năm là, tăng cường công tác bồi dưỡng đào tạo, tập huấn ứng dụng CNTT và kết hợp tuyên truyền đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong hoạt động kiểm toán phù hợp bối cảnh quốc gia chuyển đổi số.

3.3.5. Hoàn thiện tổ chức tổng hợp KQKT BCQT NSDP, lập và công khai BCKT BCQT NSDP năm

(a) Hoàn thiện tổ chức công tác tổng hợp KQKT BCQT NSDP năm

Một là, cần đổi mới tổ chức công tác tổng hợp KQKT BCQT NSDP, lập và công khai BCKT BCQT NSDP định kỳ.

Hai là, cần thực hiện công tác phối hợp trong tổng hợp KQKT BCQT NSDP năm giữa các đơn vị trực thuộc KTNN hiệu quả.

(b) Hoàn thiện tổ chức lập và phát hành BCKT BCQT NSDP năm

Một là, cần xây dựng BCKT năm theo nhiệm vụ kiểm toán BCQT NSDP riêng nhằm cung cấp thông tin hữu ích cho các đối tượng sử dụng thông tin.

Hai là, cần quan tâm công tác thẩm định BCKT BCQT NSDP năm nhằm nâng cao chất lượng thẩm định BCKT năm.

Ba là, cần tổ chức đánh giá tác động của kết quả kiểm toán năm về kiểm toán BCQT NSDP.

3.4. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN CÁC GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KIỂM TOÁN BCQT NSDP DO KTNN VIỆT NAM THỰC HIỆN

3.4.1. Về phía nhà nước

Một là, cần cụ thể hóa toàn diện chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật nhà nước về chiến lược phát triển KTNN tuân thủ quy định của pháp luật, phù hợp quan điểm phát triển KTXH của quốc gia và thông lệ quốc tế.

Hai là, hoàn chỉnh đồng bộ thể chế và chính sách pháp luật.

Ba là, nhà nước cần ban hành văn bản quy phạm chi tiết về cơ chế phối hợp và cung cấp thông tin giữa KTNN với các cơ quan TW và địa phương nhằm tối ưu hóa quản lý nguồn lực công, đồng thời các cơ quan này cần tăng cường phản biện kết quả và kiến nghị kiểm toán để đảm bảo tính khách quan, khả thi và nâng cao hiệu lực thực thi.

Bốn là, nhà nước cần bảo đảm kinh phí và các trang, thiết bị cần thiết cho tổ chức và hoạt động của KTNN và ban hành cơ chế chính sách đãi ngộ động viên cho cán bộ, công chức của KTNN.

Năm là, đẩy mạnh cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa cơ quan chức năng và KTNN trong chia sẻ dữ liệu, thống nhất phạm vi thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, nhằm tránh trùng lặp, chồng chéo, giảm gánh nặng cho đơn vị được kiểm tra và tăng hiệu quả giám sát tài chính công. Cần thiết lập cơ chế phối hợp định kỳ, liên thông dữ liệu, hướng đến tích hợp các kết quả giám sát để tối ưu hóa công tác quản lý nhà nước. Bên cạnh đó, các bên cần tăng cường phối hợp với KTNN trong quá trình xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật liên quan đến tài chính công, NSNN, đầu tư công, kiểm toán và hỗ trợ KTNN trong việc chia sẻ cơ sở dữ liệu dùng chung, xác thực pháp lý đối với các nội dung kiểm toán chuyên sâu, cũng như giám sát thực hiện kết luận, KNKT theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

3.4.2. Về phía Kiểm toán nhà nước

Một là, KTNN cần hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật.

Hai là, nâng cao chất lượng tổ chức của bộ máy KTNN theo hướng chuyên nghiệp, chất lượng, hiệu quả và hiệu lực.

Ba là, tăng cường hợp tác và hội nhập quốc tế với các cơ quan kiểm toán tối cao nhiều kinh nghiệm.

Bốn là, tăng cường ứng dụng CNTT trong hoạt động quản lý điều hành và hoạt động kiểm toán

Năm là, tăng cường phối hợp hiệu quả với các cơ quan TW và địa phương.

Sáu là, cần xây dựng văn hoá làm việc đảm bảo mỗi KTV khi tham gia hoạt động kiểm toán đều ý thức được trách nhiệm, quyền hạn và nhiệm vụ KTV,

Bảy là, chú trọng việc nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý điều hành và hoạt động kiểm toán, tăng cường đổi mới cải cách hành chính, cải tiến phương pháp và quy trình tổ chức kiểm toán phù hợp với mô hình tổ chức chính quyền địa phương và các giải pháp chi tiết nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả và hiệu lực KNKT.

Tám là, thiết lập bộ tiêu chí đánh giá chất lượng BCKT có định lượng để làm cơ sở chuẩn hóa công tác kiểm soát chất lượng kiểm toán và đổi mới quy trình kiểm toán.

3.4.3. Về phía Kiểm toán viên

Một là, KTV cần nắm vững vai trò, trách nhiệm và chủ động tích lũy kỹ năng, kinh nghiệm, đồng thời cần tích cực đào tạo, nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ thông tin để nâng cao năng lực chuyên môn, đáp ứng yêu cầu quản lý trong bối cảnh kinh tế - xã hội mới.

Hai là, KTV cần tu dưỡng đạo đức nghề nghiệp theo các chuẩn mực: liêm chính, độc lập, khách quan và minh bạch, đồng thời cần phát huy tinh thần trách nhiệm, sáng tạo, có phương pháp làm việc khoa học và thái độ ứng xử chuẩn mực, đáp ứng yêu cầu văn hóa công vụ và quy tắc ứng xử của ngành.

3.4.4. Về phía đơn vị được kiểm toán

Một là, cần thực hiện phối hợp với KTNN trong khi thực hiện nhiệm vụ một cách có hiệu quả.

Hai là, cần đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại cho cán bộ, công chức là điều kiện cần để tạo lập môi trường làm việc số hóa.

Ba là, cần đánh giá trung thực, phản biện khách quan các tồn tại của KTV, TKT, ĐKT trong hoạt động kiểm toán theo mẫu câu hỏi nhận xét, đánh giá.

3.5. TIỂU KẾT CHƯƠNG 3

Trên cơ sở lý luận, kinh nghiệm quốc tế và Chiến lược phát triển KTNN đến năm 2030, Chương 3 xác lập các nguyên tắc và đề xuất hệ thống giải pháp hoàn thiện tổ chức công tác kiểm toán BCQT NSDP. Để đảm bảo tính khả thi, luận án cũng làm rõ các điều kiện tiên quyết đối với nhà nước, KTNN, KTV và đơn vị được kiểm toán, nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả và hiệu lực kiểm toán.

KẾT LUẬN

BCQT NSĐP là sản phẩm cuối của chu trình NSNN được thực hiện trong một năm nhất định, phản ánh quá trình tổ chức, thực hiện, điều hành dự toán của một cấp chính quyền địa phương trong việc triển khai thực hiện tập trung huy động các nguồn thu trên địa bàn, việc chấp hành kỷ luật NSNN trong quá trình sử dụng nguồn lực, là thông tin đánh giá năng lực tổ chức thực hiện các cấp chính quyền địa phương trong huy động, sử dụng nguồn lực gắn với các nhiệm vụ phát triển KTXH của địa phương trong một năm nói riêng và gắn cả giai đoạn phát triển KTXH 05 năm nói chung. Số liệu quyết toán thu, chi trong năm được HĐND các cấp giám sát, thẩm tra, phê chuẩn và được tổng hợp chung trong tổng quyết toán NSNN của cả nước. Vì vậy, việc xác nhận tính đúng đắn, trung thực số liệu quyết toán thu, chi một năm của NSĐP là rất cần thiết, một mặt gắn trách nhiệm của KTNN đã được hiến định, quy định cụ thể trong Luật KTNN là kênh thông tin góp phần cung cấp số liệu cho các cấp quản lý, điều hành của địa phương trong việc đánh giá, chấn chỉnh quản lý sử dụng nguồn lực ngân sách hằng năm.

Luận án ***“Hoàn thiện tổ chức công tác kiểm toán Báo cáo quyết toán Ngân sách địa phương do Kiểm toán nhà nước Việt Nam thực hiện”*** đã có những đóng góp chủ yếu về lý luận và thực tiễn, như sau:

(i) Đã hệ thống hóa và phân tích bổ sung lý luận về tổ chức công tác kiểm toán BCQT NSĐP do KTNN thực hiện, xác định yếu tố ảnh hưởng đến tổ chức công tác kiểm toán BCQT NSĐP do KTNN thực hiện và đưa ra bài học kinh nghiệm được ra cho KTNN Việt Nam từ kinh nghiệm quốc tế trong tổ chức công tác kiểm toán.

(ii) Đã khảo sát, phân tích đánh giá thực trạng tổ chức công tác kiểm toán BCQT NSĐP do KTNN Việt Nam thực hiện và xác định rõ nguyên nhân của những hạn chế trong tổ chức công tác kiểm toán BCQT NSĐP do KTNN Việt Nam thực hiện.

(iii) Đã đưa giải pháp để hoàn thiện tổ chức công tác kiểm toán BCQT NSĐP do KTNN Việt Nam thực hiện.

(iv) Đã đưa ra các điều kiện tiên quyết để áp dụng các giải pháp hoàn thiện tổ chức công tác kiểm toán BCQT NSĐP do KTNN Việt Nam thực hiện hiệu quả nhằm nâng cao chất lượng kiểm toán, hiệu quả và nâng cao hiệu lực KNKT.

Tác giả hi vọng kết quả nghiên cứu của luận án sẽ góp phần đổi mới và nâng cao chất lượng, hiệu quả tổ chức công tác kiểm toán BCQT NSĐP do KTNN Việt Nam thực hiện và nâng cao hiệu lực KNKT, đồng thời là tài liệu tham khảo hữu ích trong học tập, nghiên cứu về tổ chức công tác kiểm toán nói chung, tổ chức công tác kiểm toán BCQT NSĐP do KTNN thực hiện nói riêng, góp phần nhỏ bé vào phát triển khoa học kiểm toán.

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN
ĐẾN LUẬN ÁN**

1. Hoàng Anh Văn (2025), “Kinh nghiệm quốc tế trong tổ chức công tác kiểm toán ngân sách địa phương do Kiểm toán nhà nước thực hiện”, *Tạp chí Tài chính*, kỳ 1 - tháng 6/2025 (850), tr.134-136.
2. Hoàng Anh Văn (2025), “Giải pháp hoàn thiện tổ chức công tác kiểm toán báo cáo quyết toán ngân sách địa phương do Kiểm toán Nhà nước Việt Nam thực hiện”, *Tạp chí Tài chính*, kỳ 2 - tháng 6/2025 (851), tr.38-41.
3. Hoàng Anh Văn (2025), “Organization of information technology application in the audit of local budget finalization reports by the State Audit Office of Viet Nam”, *Review Of Finance*, vol 7, Issue 2, 2025, pp.170-172.